

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/05/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+TD2+TD3	7:25	7+11+3	0+0+0		3+15+4	0+0+0	chuyen 1 td2-td3
2		TD1	7:25	22	0		22	0	
3		CLO+RP2	9:25	20+2	0+0		18+4	0+0	
4		TD3+P4	9:25	22+0	0+0		18+1	0+0	
5		PVD8+P8	11:25	2+17	0+0		0+19	0+0	
6		TD1+P2+BK8	11:25	7+13+0	0+0		3+6+4	0+0	



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P8 - TD2 - TD3	CREW: NAM - MTHAO - DTUNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: P8 TD2 TD3		VNHS FLIGHT: TM26/2024	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	GUSEINOV MAXIM	P8	35-36	2	11	1	18	86	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN XUAN	P8	32	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TRỌNG THUY	P8						68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN ĐAM	P8	31	1	10			77	KHOAN	Vietnamese
5	VY HUNG CUONG	P8	33	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
6	ĐO VĂN MẠO	P8	34	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HUU NAM	P8	30	1	6			83	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ QUANG CUONG	TD2	01	1	5			79	KHOAN	Vietnamese
9	GROMOV SERGEY	TD2	98	1	11			86	KHOAN	Russian
10	NGUYEN THANH ANH	TD2	02	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ ANH QUÂN	TD2	99	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN SY HIEU	TD2	05	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
13	MAI TRUONG TRUNG	TD2	06	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	03-04	2	10			74	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN MAI NAM	TD2	07	1	4	3	55	79	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM THANH GIANG	TD2	800	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
17	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	TD2	08-09	2	15			64	YTE	Vietnamese
18	TRỊNH HỒNG SƠN	TD2	13-15	3	20			69	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HAI	TD3	44	1	9			78	KHOAN	Vietnamese
20	OLEINIK IVAN	TD3	45	1	2	1	18	76	KHOAN	Russian
21	CHU VĂN THẮNG	TD3	46	1	12			69	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	7	524	7	42	1	18	3		
2	TD2	11	811	15	91	3	55	15	1	CHUYEN 01 PAX TD2 SANG TD3
3	TD3	3	223	3	23	1	18	4		
TOTAL		21	1.558	25	156	5	91	22		
WEIGHT KG			1.558		156		91			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

TRẦN HỒNG NAM  
MAI VĂN THAO





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD1	CREW: XHOÀN - TTRUNG - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: TD1		VNHS FLIGHT: TM26/2027	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	GAISIN R.G	TD1	05	1	4	3	57	95	KIM THIET	Russian
2	KORCHAGIN A.I	TD1	36	1	8			100	KIM THIET	Russian
3	BADRETDINOV EDGAR	TD1	37	1	3			74	KHOAN	Russian
4	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1						77	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM ĐỨC TUẤN	TD1	97	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN HOÀN	TD1	91-92	2	9			76	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH ANH TRƯỜNG	TD1	90	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN CÔNG HÙNG	TD1	93-94	2	13			75	KHOAN	Vietnamese
9	ĐÌNH ĐỨC TIỀN	TD1	03	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC DUNG	TD1	99	1	7			63	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	02	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
12	MORDIASHOV S.P	TD1	06	1	4			86	KH-THAC	Russian
13	BOIKO D.I	TD1	04	1	6			119	KH-THAC	Russian
14	NGUYỄN TIỀN DUNG	TD1	95-96	2	19			85	KH-THAC	Vietnamese
15	LY XUÂN TRUNG	TD1	39	1	5			66	YTE	Vietnamese
16	MAI ANH TUẤN	TD1	37	1	15			75	KHOAN	Vietnamese
17	FIRSOV EVGENII	TD1	68	1	6			104	KHOAN	Russian
18	SICHINAVA GIORGI	TD1	89	1	7			80	KHOAN	Russian
19	NGUYỄN VĂN TIỀN	TD1	98	1	8			91	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN THUỖNG VŨ	TD1	01	1	14			88	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC TÀI	TD1	900	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	38	1	4			75	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	22	1.785	24	157	3	57	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.785</b>	<b>24</b>	<b>157</b>	<b>3</b>	<b>57</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.785</b>		<b>157</b>		<b>57</b>			

GRAND TOAL: 1.999 KGS

VSP REP.

*(Signature)*  
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

*(Signature)*  
VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

*(Signature)*  
ĐỖ XUÂN HOÀN   
NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: CLO - RP2	CREW: NAM - MTHAO - DTUNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/2025	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TIÊN SINH	CLO	18	1	9			67	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN ĐUỐC	CLO	14	1	7			65	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ MINH TU	CLO	03	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ NGỌC LUÂN	CLO	01	1	3			80	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM MẠNH HÙNG	CLO	10	1	7			60	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN TÂM	CLO				1	15	65	KHOAN	Vietnamese
7	THẠCH HỮU TẤN	CLO	08-09	2	12			70	YTE	Vietnamese
8	LÊ MẠNH THĂNG	CLO						64	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO	11	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	CLO	06-07	2	14			77	KHOAN	Vietnamese
11	VĂN ĐÌNH QUANG	CLO	04-05	2	10			62	KHOAN	Vietnamese
12	TRƯƠNG QUỐC THĂNG	CLO	12	1	17			86	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN CHI LINH	CLO	15	1	10			80	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIẾU	CLO	02	1	15			86	DVL	Vietnamese
15	NHÂM ĐỨC TUẤN	CLO	21	1	12	1	13	71	DVL	Vietnamese
16	LÊ HỮU LƯƠNG	CLO	13	1	13			71	DVL	Vietnamese
17	PHAN VĂN LÊ	CLO	16-17	2	18	1	11	75	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYỄN CAO TRI	CLO	19-20	2	12			87	T-TIN	Vietnamese
19	CHU DỤC AI	CLO	36	1	3			82	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ TIÊN PHỤNG	RP2	600	1	8	3	28	72	CODIEN	Vietnamese
21	LÊ VĂN NINH	RP2	99	1	15			75	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	19	1.401	22	174	3	39	18		
2	RP2	2	147	2	23	3	28	4		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.548</b>	<b>24</b>	<b>197</b>	<b>6</b>	<b>67</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.548</b>		<b>197</b>		<b>67</b>			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

TRẦN HỒNG NAM

MAI VĂN THAO





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: NAU-2	TO: TD3 - P4	CREW: KHOÀN - TTRUNG - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: <i>H</i>		VNHS FLIGHT: TM26/2028	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3	99	1	5	2	25	75	KHOAN	Vietnamese
2	BUI CÔNG SƠN	TD3	68	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	71	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	72	1	9			53	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THANH	TD3	67	1	8			70	KHOAN	Vietnamese
6	LÂM VĂN ĐẠT	TD3	63	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	73	1	7			57	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	69	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	64	1	11			67	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC CƯỜNG	TD3	70	1	7			61	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN MINH	TD3	78-79	2	16			79	PVDWS	Vietnamese
12	TRẦN TUẤN DŨNG	TD3	77	1	14			80	PVDWS	Vietnamese
13	TIMOTHY CHULLO ANAK Sumbu	TD3	80	1	14			59	PVDWS	Malaysian
14	HÀ VIỆT HÙNG	TD3	76	1	11			66	PVDWS	Vietnamese
15	KARIMOV TAGIR G.	TD3	95	1	14			96	D-HANH	Russian
16	HUYNH VĂN THĂNG	TD3	74-75	2	9			73	LONG VU	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH PHONG	TD3	96	1	7			72	LONG VU	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG PHÚC	TD3	97	1	7			60	LONG VU	Vietnamese
19	CAO TẤN LỰC	TD3	65	1	7			59	LONG VU	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH BÌNH	TD3	66	1	8			76	LONG VU	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH LUẬN	TD3	98	1	10			53	LONG VU	Vietnamese
22	LÊ QUANG ĐỨC	TD3	93-94	2	16			89	LONG VU	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	22	1.531	25	196	2	25	18		
2	P4	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.531	25	196	2	25	19		
WEIGHT KG			1.531		196		25			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.

*Nguyễn Thúc Hà*  
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

*Vũ Thị Thu Hương*  
VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

*Đỗ Xuân Hoàn*  
ĐỖ XUÂN HOÀN   
NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH -3	TO: PVD8 - P8	CREW: LINH - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT:		VNHS FLIGHT: TM26/2026	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN DUC THANG	PVD8	26-27	2	17			70	PVD BAKEI	Vietnamese
2	ĐÀO TIÊN ĐẠT	P8	83	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	P8	82	1	7			75	ANTOAN	Vietnamese
4	CHAGIN SERGEI	P8	84-85	2	16			74	KIM THIET	Russian
5	NGUYỄN VĂN HUYNH	P8	97-98	2	20			66	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ HỒNG GIANG	P8	96	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
7	VY NGỌC CHU	P8	95	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN SƠN	P8	91	1	8			57	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT MINH	P8	99	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC ƠN	P8	90	1	3			55	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ VIỆT LONG	P8	80-81	2	20			61	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	P8	87	1	16			71	DVL	Vietnamese
13	ĐOÀN MINH HƯƠNG	P8	93-94	2	13			61	DVL	Vietnamese
14	BÀN PHÚC LONG	P8	92	1	15			76	DVL	Vietnamese
15	PHẠM VĂN CƯỜNG	P8	200.01	2	20	1	31	85	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT HUNG	P8	88-89	2	19			63	DVL	Vietnamese
17	TẠ HẬU THẮNG	P8	02-03	2	9			74	DVL	Vietnamese
18	HÀ VĂN THIỆN	P8	86	1	8			72	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	1	70	2	17	0	0	0		
2	P8	17	1.174	24	201	1	31	19		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.244</b>	<b>26</b>	<b>218</b>	<b>1</b>	<b>31</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.244</b>		<b>218</b>		<b>31</b>			

GRAND TOAL: 1.493 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

NGO VAN LINH  
NGUYEN MINH DUC





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: TIM-3	TO:TD1 - P2 - BK8	CREW: XHOÀN - N.ANH - MQUÂN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/2029	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	DUONG TRUNG KIEN	TD1	49	1	12	2	30	57	DVL	Vietnamese
2	ĐÀO NGUYỄN DU MẠC	TD1	42	1	13	2	21	65	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM THÈ THUẬN	TD1	40	1	2			73	PSV	Vietnamese
4	HOANG NGOC KHANH	TD1	44	1	5			75	PSV	Vietnamese
5	ĐÀU ĐỨC HUNG	TD1	48	1	5			71	PSV	Vietnamese
6	TRẦN CAO MONG	TD1	41	1	7			59	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TỊNH	P2	26	1	8			60	KHI	Vietnamese
8	HƯA HUNG SON	P2	36-37	2	20			77	CODIEN	Vietnamese
9	BUI ĐỨC HẬU	P2	35	1	9	2	24	64	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC DANH	P2	40	1	17			62	XAYLAP	Vietnamese
11	KHÔNG QUỐC TIẾN	P2	47-48	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN PHƯƠNG	P2	41	1	11	1	12	63	XAYLAP	Vietnamese
13	VÔ TÁ HUNG	P2	27-28	2	18			66	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ BA QUYỀN	P2	29-30	2	16			57	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI HỮU LỢI	P2	43-44	2	14			79	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU QUANG	P2	31	1	13	1	13	64	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN PHÚC SANG	P2	33-34	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ NGỌC HUNG	P2	38-39	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ VĂN CÔNG	P2	45	1	10	1	14	60	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	6	400	6	44	4	51	3		
2	P2	13	851	20	196	5	63	6		
3	BK8	0	0	0	0	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.251</b>	<b>26</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>114</b>	<b>13</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.251</b>		<b>240</b>		<b>114</b>			

GRAND TOAL: 1.605 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN  
NGHIÊM VIỆT ANH

